

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, Trường cao đẳng sư phạm, Trung cấp sư phạm năm học 2024 - 2025

BẬC SAU ĐẠI HỌC

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
I	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ	277	8	57	212				
1	Khối I								
2	Khối II								
3	Khối III								
4	Khối IV								
4.1	Khoa học sự sống	63	3	12	48				
	Di truyền học	9	0	2	7				
	Công nghệ sinh học	9	2	0	7				
	Hoá sinh học	8	0	3	5				
	Sinh lý học thực vật	7	0	2	5				
	Sinh thái học	9	0	2	7				
	Vì sinh vật học	7	0	2	5				
	Sinh lý học người và động vật	14	1	1	12				
4.2	Khoa học tự nhiên	115	2	29	84				

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Hoá hữu cơ	21	1	5	15				
	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	11	1	1	9				
	Quang học	8	0	2	6				
	Hoá lí thuyết và hoá lí	9	0	4	5				
	Vật lý địa cầu	7	0	2	5				
	Khoa học vật liệu	15	0	3	12				
	Vật lý vô tuyến và điện tử	5	0	2	3				
	Địa chất học	11	0	2	9				
	Môi trường đất và nước	8	0	2	6				
	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	7	0	2	5				
	Vật lý chất rắn	5	0	2	3				
	Hoá phân tích	8	0	2	6				
5	Khối V								
5.1	Toán và thống kê	38	2	6	30				
	Toán giải tích	10	0	2	8				
	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	7	1	0	6				
	Cơ sở toán học cho tin học	6	0	2	4				
	Toán ứng dụng	7	0	2	5				
	Đại số và lí thuyết số	8	1	0	7				
5.2	Kỹ thuật	12	0	2	10				
	Vật lý kỹ thuật	12	0	2	10				
5.3	Máy tính và công nghệ thông tin	36	1	6	29				

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Trí tuệ nhân tạo	11	1	1	9				
	Khoa học máy tính	17	0	3	14				
	Hệ thống thông tin	8	0	2	6				
6	Khối VI								
7	Khối VII								
7.1	Môi trường và bảo vệ môi trường	13	0	2	11				
	Quản lý tài nguyên và môi trường	13	0	2	11				
II	Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ	282	8	59	215				
1	Khối I								
2	Khối II								
3	Khối III								
4	Khối IV								
4.1	Khoa học sự sống	63	3	12	48				
	Sinh thái học	6	0	2	4				
	Di truyền học	8	0	2	6				
	Hoá sinh học	8	0	3	5				
	Sinh học thực nghiệm	22	1	3	18				
	Công nghệ sinh học	12	2	0	10				
	Vi sinh vật học	7	0	2	5				
4.2	Khoa học tự nhiên	112	2	29	81				
	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	5	0	1	4				
	Hoá hữu cơ	9	0	2	7				

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Vật lý địa cầu	5	0	1	4				
	Hoá lí thuyết và hoá lí	0	0	0	0				
	Hải dương học	5	0	1	4				
	Vật lý vô tuyến và điện tử	0	0	0	0				
	Khoa học vật liệu	14	0	4	10				
	Địa chất học	5	0	1	4				
	Hoá phân tích	0	0	0	0				
	Khoa học tích hợp	7	0	1	6				
	Hoá vô cơ	0	0	0	0				
	Khí tượng và khí hậu học	5	0	1	4				
	Hoá học	28	1	11	16				
	Quang học	6	0	2	4				
	Công nghệ bán dẫn	6	0	1	5				
	Khoa học môi trường	8	0	2	6				
	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9	1	1	7				
5	Khối ngành V		2	6	29				
5.1	Toán và thống kê	37	2	5	30				
	Toán ứng dụng	12	0	2	10				
	Toán giải tích	5	0	1	4				
	Cơ sở toán học cho tin học	0	0	0	0				
	Đại số và lí thuyết số	5	1	0	4				
	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	5	1	0	4				

Stt	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Khoa học dữ liệu	10	0	2	8				
5.2	Kỹ thuật	21	0	4	17				
	Kỹ thuật địa chất	5	0	1	4				
	Kỹ thuật điện tử	6	0	1	5				
	Vật lý kỹ thuật	10	0	2	8				
5.3	Máy tính và công nghệ thông tin	37	1	7	29				
	Khoa học máy tính	18	0	3	15				
	Hệ thống thông tin	8	0	3	5				
	Trí tuệ nhân tạo	11	1	1	9				
6	Khối VI								
7	Khối VII								
7.1	Môi trường và bảo vệ môi trường	12	0	2	10				
	Quản lý tài nguyên và môi trường	12	0	2	10				

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết độ ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
A	<i>Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</i>					
1	Khối ngành IV					
1	Trần Lê Bảo Hà	08/09/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học người và động vật
2	Trần Văn Hiếu	26/07/1981	Nam	GS	TS	Sinh lý học người và động vật
3	Võ Thị Phi Giao	16/06/1975	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
4	Lưu Thị Thanh Nhân	06/07/1975	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
5	Nguyễn Thị Gia Hằng	04/09/1981	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
6	Trần Ngọc Diễm My	22/10/1981	Nữ	GVC	TS	Sinh lý học người và động vật
7	Lê Thị Thủy Dương	03/11/1986	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
8	Đặng Thị Tùng Loan	19/02/1985	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
9	Tô Minh Quân	24/07/1986	Nam	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
10	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	21/07/1989	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
11	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	15/07/1989	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
12	Lê Văn Trình	20/05/1992	Nam	NCV	TS	Sinh lý học người và động vật
13	Lê Thị Vĩ Tuyết	06/06/1993	Nữ	GV	TS	Sinh lý học người và động vật
14	Trương Thị Tinh Tươi	09/03/1988	Nữ	NCV	ThS	Sinh lý học người và động vật
15	Nguyễn Đức Hoàng	05/06/1976	Nam	PGS	TS	Vi sinh vật học
16	Phan Thị Phượng Trang	22/09/1977	Nữ	PGS	TS	Vi sinh vật học
17	Trần Bích Thư	06/12/1980	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
18	Vũ Thị Lan Hương	14/08/1980	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
19	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16/06/1976	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
20	Trần Nguyên Vũ	28/07/1978	Nam	GV	TS	Vi sinh vật học
21	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	17/02/1985	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
22	Trần Thanh Hương	16/05/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
23	Trương Hải Nhung	02/07/1985	Nữ	PGS	TS	Sinh lý học thực vật
24	Trịnh Cẩm Tú	05/03/1979	Nữ	GV	TS	Sinh lý học thực vật
25	Trần Triết	02/10/1964	Nam	GV	TS	Sinh lý học thực vật
26	Nguyễn Phi Nga	29/12/1974	Nam	GV	TS	Sinh lý học thực vật
27	Đỗ Thường Kiệt	25/06/1983	Nam	GVC	TS	Sinh lý học thực vật
28	Trần Thị Thanh Hiền	02/01/1980	Nữ	GV	TS	Sinh lý học thực vật
29	Nguyễn Dương Tâm Anh	06/09/1979	Nữ	PGS	TS	Hoá sinh học
30	Ngô Đại Nghiệp	10/10/1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
31	Quách Ngô Diễm Phương	01/10/1980	Nữ	PGS	TS	Hoá sinh học
32	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/05/1979	Nữ	GVC	TS	Hoá sinh học
33	Trịnh Thị Diệu Bình	09/04/1983	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
34	Trần Quốc Tuấn	02/04/1981	Nam	GV	TS	Hoá sinh học
35	Vũ Thị Bạch Phượng	06/02/1988	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
36	Khuất Lê Uyên Vy	01/01/1986	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
37	Hoàng Đức Huy	21/12/1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
38	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	Nữ	PGS	TS	Sinh thái học
39	Trần Thị Anh Đào	13/03/1974	Nữ	GVC	TS	Sinh thái học
40	Nguyễn Thị Kim Dung	11/12/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
41	Nguyễn Thị Lan Thi	10/10/1972	Nữ	GVC	TS	Sinh thái học
42	Đặng Lê Anh Tuấn	03/02/1981	Nam	GVC	TS	Sinh thái học
43	Phạm Quỳnh Hương	11/11/1981	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
44	Phạm Mạnh Hùng	15/05/1990	Nam	GV	TS	Sinh thái học
45	Lê Anh Tuấn	26/02/1992	Nam	GV	TS	Sinh thái học
46	Phạm Văn Phúc	23/08/1982	Nam	PGS	TS	Di truyền học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
47	Nguyễn Thị Huệ	11/04/1972	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
48	Nguyễn Hoàng Chương	18/07/1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
49	Nguyễn Thụy Vy	01/08/1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
50	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/06/1987	Nữ	GV	TS	Di truyền học
51	Từ Thị Trâm Anh	18/08/1988	Nữ	GV	TS	Di truyền học
52	Trần Trọng Ngân	30/04/1990	Nữ	NCV	TS	Di truyền học
53	Hồng Vũ Thúy Uyên	18/02/1989	Nữ	GV	TS	Di truyền học
54	Bùi Thị Như Ngọc	10/02/1989	Nữ	GV	TS	Di truyền học
55	Đặng Thị Phương Thảo	08/07/1976	Nữ	GS	TS	Công nghệ sinh học
56	Trần Linh Thước	06/10/1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
57	Trần Trung Hiếu	11/11/1969	Nam	GVC	TS	Công nghệ sinh học
58	Lương Thị Mỹ Ngân	19/01/1971	Nữ	GVC	TS	Công nghệ sinh học
59	Bùi Lan Anh	10/02/1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
60	Ngô Trang Như Ngọc	06/12/1983	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
61	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26/04/1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
62	Nguyễn Hữu Hoàng	11/10/1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
63	Nguyễn Hiếu Nghĩa	02/10/1991	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
64	Nguyễn Hữu Nhã	09/10/1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
65	Lê Công Hào	09/06/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
66	Vũ Quang Tuyên	05/07/1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
67	Võ Quốc Phong	17/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
68	Trần Nguyên Lân	18/05/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
69	Đặng Trường An	28/02/1978	Nam	PGS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
70	Nguyễn Hà Hùng Chương	09/11/1984	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
71	Lê Viết Hải	12/05/1978	Nam	PGS	TS	Vật lý chất rắn

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
72	Lê Thụy Thanh Giang	13/02/1981	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
73	La Phan Phương Hạ	25/03/1985	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
74	Trần Thị Như Hoa	26/08/1989	Nữ	GV	TS	Vật lý chất rắn
75	Nguyễn Tuyết Phương	20/08/1981	Nữ	PGS	TS	Vật lý chất rắn
76	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11/05/1972	Nữ	PGS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
77	Cổ Thanh Thiện	11/01/1975	Nam	PGS	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
78	Đặng Lê Khoa	01/03/1983	Nam	GVC	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
79	Nguyễn Minh Trí	22/06/1987	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
80	Nguyễn Xuân Vinh	11/02/1977	Nam	GV	TS	Vật lý vô tuyến và điện tử
81	Châu Văn Tạo	01/06/1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
82	Trần Thiện Thanh	28/05/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
83	Võ Hồng Hải	24/08/1975	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
84	Lê Hoàng Chiến	17/03/1987	Nam	NCV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
85	Phan Lê Hoàng Sang	02/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
86	Võ Hoàng Nguyên	11/09/1987	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
87	Trần Xuân Bảo	23/09/1992	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
88	Văn Thị Thu Trang	06/06/1986	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
89	Tổng Hoàng Tuấn	16/11/1985	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
90	Phạm Thanh Tuấn Anh	18/05/1992	Nam	NCV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
91	Trịnh Quang Vinh	20/09/1987	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
92	Cao Thị Mỹ Dung	25/01/1980	Nữ	GV	TS	Quang học
93	Lê Vũ Tuấn Hùng	10/11/1971	Nam	PGS	TS	Quang học
94	Phan Trung Vĩnh	03/11/1986	Nam	GV	TS	Quang học
95	Võ Thị Ngọc Thủy	21/08/1983	Nữ	GV	TS	Quang học
96	Phan Thị Kiều Loan	17/06/1989	Nữ	GV	TS	Quang học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
97	Tôn Nữ Quỳnh Trang	02/01/1994	Nữ	GV	TS	Quang học
98	Trần Văn Mẫn	13/06/1976	Nam	PGS	TS	Quang học
99	Nguyễn Hữu Kế	11/10/1988	Nam	NCV	TS	Quang học
100	Lê Văn Anh Cường	27/08/1984	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
101	Nguyễn Nhật Kim Ngân	10/01/1985	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
102	Đặng Hoài Trung	07/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
103	Lê Nguyễn Hoa Tiên	14/12/1988	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
104	Võ Lương Hồng Phước	12/04/1973	Nữ	PGS	TS	Vật lý địa cầu
105	Nguyễn Công Thành	04/10/1974	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
106	Bùi Thị Ngọc Oanh	09/03/1986	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
107	Nguyễn Trung Nhân	21/06/1974	Nam	GS	TS	Hoá hữu cơ
108	Trần Lê Quan	01/07/1970	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
109	Trần Hoàng Phương	15/09/1984	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
110	Đặng Hoàng Phú	23/10/1989	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
111	Lê Hữu Thọ	21/11/1991	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
112	Đoàn Ngọc Nhuận	15/04/1977	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
113	Huỳnh Ngọc Vinh	09/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
114	Nguyễn Ngọc Ân	21/03/1983	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
115	Ngô Thị Thùy Dương	23/05/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
116	Nguyễn Thị Thảo Trân	25/04/1978	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
117	Nguyễn Thị Ý Nhi	14/05/1975	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
118	Nguyễn Tấn Tài	21/06/1985	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
119	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1979	Nữ	NCV	TS	Hoá hữu cơ
120	Tôn Thất Quang	13/07/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
121	Lưu Thị Xuân Thi	30/09/1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
122	Nguyễn Trí Hiếu	21/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
123	Trần Thu Phương	14/10/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
124	Nguyễn Thị Thảo Ly	10/12/1987	Nữ	NCV	TS	Hoá hữu cơ
125	Nguyễn Trường Hải	19/02/1993	Nam	TrG	TS	Hoá hữu cơ
126	Lê Phạm Ngọc Sơn	10/11/1988	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
127	Trần Ngọc Mai	20/04/1987	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
128	Nguyễn Văn Đông	20/12/1971	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
129	Lê Tiến Khoa	08/12/1986	Nam	PGS	TS	Hoá phân tích
130	Nguyễn Huy Du	04/09/1982	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
131	Nguyễn Bình Phương Nhân	24/10/1984	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
132	Trương Lâm Sơn Hải	15/09/1987	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
133	Huỳnh Tấn Vũ	28/08/1989	Nam	GV	TS	Hoá phân tích
134	Phan Thị Hồng Trúc	09/05/1995	Nữ	GV	TS	Hoá phân tích
135	Phạm Tấn Hùng	10/04/1990	Nam	NCV	TS	Hoá phân tích
136	Võ Thị Hai	07/06/1984	Nữ	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
137	Hoàng Ngọc Cường	15/03/1968	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
138	Nguyễn Thái Hoàng	23/10/1974	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
139	Nguyễn Công Tránh	09/03/1976	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
140	Huỳnh Lê Thanh Nguyên	27/11/1987	Nam	PGS	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
141	Đái Huệ Ngân	01/10/1981	Nữ	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
142	Võ Quốc Khương	04/05/1987	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
143	Nguyễn Văn Hoàng	12/12/1991	Nam	NCV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
144	Mai Văn Thanh Tâm	01/03/1988	Nam	GV	TS	Hoá lí thuyết và hoá lí
145	Trần Thị Thanh Vân	15/06/1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
146	Hà Thúc Chí Nhân	13/06/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
147	Hoàng Thị Đông Quý	28/12/1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
148	Đỗ Thị Vi Vi	04/07/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
149	Tạ Thị Kiều Hạnh	16/04/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
150	Nguyễn Phước Trung Hòa	15/03/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
151	Vũ Hoàng Nam	04/04/1982	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
152	Lê Ngọc Hà Thu	22/05/1988	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
153	Lê Khắc Tốp	14/06/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
154	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16/10/1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
155	Trần Thị Minh Thư	11/03/1984	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
156	Trần Công Khánh	20/06/1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
157	Lê Thái Duy	24/02/1990	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
158	Đoàn Thị Hiền	23/07/1986	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
159	Vũ Năng An	25/09/1985	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
160	Phạm Trung Hiếu	19/04/1978	Nam	PGS	TS	Địa chất học
161	Nguyễn Thị Tố Ngân	14/09/1976	Nữ	GV	TS	Địa chất học
162	Lê Thị Thúy Vân	04/01/1979	Nữ	GV	TS	Địa chất học
163	Ngô Trần Thiện Quý	18/12/1976	Nam	GV	TS	Địa chất học
164	Phạm Thanh Thùy	05/09/1989	Nữ	NCV	TS	Địa chất học
165	Nguyễn Xuân Minh Ái	05/09/1982	Nữ	GV	TS	Địa chất học
166	Trần Duy Tập	09/03/1981	Nam	PGS	TS	Địa chất học
167	Ngô Minh Thiện	15/09/1981	Nam	GV	TS	Địa chất học
168	Nguyễn Đình Thanh	15/11/1986	Nam	GV	TS	Địa chất học
169	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	14/08/1990	Nữ	GV	TS	Địa chất học
170	Hồ Thu Hiền	17/09/1982	Nữ	GV	TS	Địa chất học
171	Tô Thị Hiền	30/12/1972	Nữ	PGS	TS	Môi trường đất và nước

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
172	Vũ Văn Nghị	26/02/1974	Nam	PGS	TS	Môi trường đất và nước
173	Lê Tự Thành	16/12/1976	Nam	GVC	TS	Môi trường đất và nước
174	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ	GVC	TS	Môi trường đất và nước
175	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ	GVC	TS	Môi trường đất và nước
176	Nguyễn Lý Sỹ Phú	18/12/1988	Nam	GV	TS	Môi trường đất và nước
177	Phan Như Nguyệt	13/06/1989	Nữ	GV	TS	Môi trường đất và nước
178	Phạm Tấn Thông	25/10/1991	Nam	NCV	TS	Môi trường đất và nước
2	Khối ngành V					
179	Lý Kim Hà	25/07/1988	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
180	Ông Thanh Hải	31/03/1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
181	Lê Đức Hưng	29/10/1987	Nam	GV	TS	Toán giải tích
182	Trần Thị Khiếu	02/09/1991	Nữ	GV	TS	Toán giải tích
183	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1993	Nam	GV	TS	Toán giải tích
184	Võ Sĩ Trọng Long	13/08/1980	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
185	Huỳnh Quang Vũ	10/09/1975	Nam	GV	TS	Toán giải tích
186	Vũ Đỗ Huy Cường	28/11/1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
187	Tạ Thị Nguyệt Nga	24/10/1988	Nữ	GV	TS	Toán giải tích
188	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/10/1994	Nữ	GV	TS	Toán giải tích
189	Mai Hoàng Biên	15/02/1982	Nam	GS	TS	Đại số và lý thuyết số
190	Trịnh Thanh Đèo	15/07/1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
191	Bùi Anh Tuấn	01/12/1984	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
192	Nguyễn Hữu Trí Nhật	04/03/1985	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
193	Nguyễn Khánh Tùng	25/11/1988	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
194	Nguyễn Kim Ngọc	14/07/1986	Nữ	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
195	Nguyễn Văn Thìn	08/07/1964	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
196	Lê Văn Luyện	02/06/1983	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
197	Đặng Đức Trọng	15/12/1964	Nam	GS	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
198	Lê Thị Xuân Mai	30/10/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
199	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	25/04/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
200	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21/01/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
201	Nguyễn Tiến Đạt	16/10/1994	Nam	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
202	Hoàng Văn Hà	10/09/1983	Nam	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
203	Tô Đức Khánh	03/04/1990	Nam	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
204	Nguyễn Thanh Bình	23/12/1986	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
205	Trần Anh Tuấn	26/10/1983	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
206	Võ Đức Cẩm Hải	05/04/1979	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
207	Châu Thành Đức	20/10/1985	Nam	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
208	Phan Thị Mỹ Duyên	25/06/1992	Nữ	GV	TS	Cơ sở toán học cho tin học
209	Nguyễn Đình Thúc	20/03/1967	Nam	PGS	TS	Cơ sở toán học cho tin học
210	Nguyễn Thị Yến Ngọc	02/02/1991	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
211	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12/07/1985	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
212	Bùi Lê Trọng Thanh	20/12/1987	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
213	Trần Nam Dũng	03/08/1966	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
214	Nguyễn Anh Thi	16/05/1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
215	Bùi Xuân Thắng	30/01/1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
216	Lê Ánh Hạ	04/04/1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
217	Trần Minh Triết	19/08/1979	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
218	Lý Quốc Ngọc	01/09/1964	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
219	Nguyễn Văn Vũ	04/05/1977	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
220	Đinh Bá Tiến	08/12/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
221	Lâm Quang Vũ	03/02/1979	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
222	Bùi Tiến Lên	05/02/1974	Nam	GVC	TS	Khoa học máy tính
223	Trần Trung Dũng	26/11/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
224	Trần Duy Hoàng	14/06/1985	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
225	Ngô Huy Biên	21/10/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
226	Ngô Minh Nhựt	27/08/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
227	Trương Toàn Thịnh	29/09/1986	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
228	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01/08/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
229	Bùi Văn Thạch	20/05/1990	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
230	Võ Hoài Việt	16/01/1987	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
231	Lê Ngọc Thành	28/08/1984	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
232	Lê Thanh Tùng	29/08/1994	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
233	Lê Khánh Duy	30/04/1989	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
234	Trần Thái Sơn	12/12/1975	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
235	Đinh Điền	18/01/1966	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
236	Lê Nguyễn Hoài Nam	03/06/1988	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
237	Phạm Nguyễn Cương	07/04/1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
238	Phạm Thị Bạch Huệ	06/07/1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
239	Nguyễn Trần Minh Thư	13/09/1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
240	Nguyễn Trường Sơn	26/10/1984	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
241	Nguyễn Hồng Bửu Long	18/06/1988	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
242	Lê Hoài Bắc	21/03/1963	Nam	GS	TS	Trí tuệ nhân tạo
243	Lê Hoàng Thái	11/08/1972	Nam	PGS	TS	Trí tuệ nhân tạo
244	Cần Trần Thành Trung	06/05/1995	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
245	Lê Thị Nhân	09/03/1978	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
246	Nguyễn Thanh Phương	19/09/1972	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
247	Nguyễn Ngọc Thảo	26/10/1984	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
248	Nguyễn Hải Minh	14/07/1985	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
249	Vũ Thị Mỹ Hằng	03/09/1986	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
250	Nguyễn Tiến Huy	14/12/1988	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
251	Lê Trung Nghĩa	04/04/1990	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
252	Bùi Duy Đăng	05/03/1995	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
253	Hoàng Thị Kiều Trang	01/12/1976	Nữ	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
254	Trịnh Thị Lý	19/01/1992	Nữ	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
255	Võ Phong Phú	18/10/1994	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
256	Huỳnh Trúc Phương	07/01/1971	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
257	Huỳnh Văn Tuấn	08/05/1979	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
258	Trịnh Hoa Lãng	28/11/1979	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
259	Lê Văn Ngọc	25/12/1969	Nam	GVC	TS	Vật lý kỹ thuật
260	Lê Trần	21/05/1970	Nam	GVC	TS	Vật lý kỹ thuật
261	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21/07/1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
262	Đỗ Đức Cường	05/08/1980	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
263	Nguyễn Chí Nhân	11/04/1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
264	Nguyễn Quang Khởi	13/04/1988	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
3	Khối ngành VII					
265	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
266	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
267	Nguyễn Ái Lê	22/08/1983	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
268	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
269	Trần Thị Thu Dung	28/11/1978	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
270	Hoàng Thị Phương Chi	08/09/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
271	Võ Thị Minh Hoàng	07/07/1979	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
272	Đỗ Thị Thùy Quyên	01/11/1988	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
273	Trương Thị Cẩm Trang	06/03/1978	Nữ	GVC	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
274	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
275	Lê Hoàng Anh	20/02/1982	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
276	Lê Thị Tuyết Mai	23/11/1986	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
277	Phạm Thị Thảo Nhi	17/12/1992	Nữ	NCV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
	<i>Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</i>					
1	Khối ngành IV					
1	Nguyễn Đức Hoàng	05/06/1976	Nam	PGS	TS	Vi sinh vật học
2	Phan Thị Phụng Trang	22/09/1977	Nữ	PGS	TS	Vi sinh vật học
3	Trần Bích Thư	06/12/1980	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
4	Vũ Thị Lan Hương	14/08/1980	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
5	Nguyễn Thị Mỹ Lan	16/06/1976	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
6	Trần Nguyên Vũ	28/07/1978	Nam	GV	TS	Vi sinh vật học
7	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	17/02/1985	Nữ	GV	TS	Vi sinh vật học
8	Trần Lê Bảo Hà	08/09/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
9	Trần Thanh Hương	16/05/1975	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
10	Trương Hải Nhung	02/07/1985	Nữ	PGS	TS	Sinh học thực nghiệm
11	Trần Văn Hiếu	26/07/1981	Nam	GS	TS	Sinh học thực nghiệm
12	Trịnh Cẩm Tú	05/03/1979	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
13	Trần Triết	02/10/1964	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
14	Võ Thị Phi Giao	16/06/1975	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
15	Nguyễn Phi Ngà	29/12/1974	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
16	Lưu Thị Thanh Nhân	06/07/1975	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
17	Đỗ Thường Kiệt	25/06/1983	Nam	GVC	TS	Sinh học thực nghiệm
18	Nguyễn Thị Gia Hằng	04/09/1981	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
19	Trần Ngọc Diễm My	22/10/1981	Nữ	GVC	TS	Sinh học thực nghiệm
20	Lê Thị Thùy Dương	03/11/1986	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
21	Đặng Thị Tùng Loan	19/02/1985	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
22	Tô Minh Quân	24/07/1986	Nam	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
23	Trần Thị Thanh Hiền	02/01/1980	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
24	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	21/07/1989	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
25	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	15/07/1989	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
26	Lê Văn Trình	20/05/1992	Nam	NCV	TS	Sinh học thực nghiệm
27	Lê Thị Vĩ Tuyết	06/06/1993	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
28	Võ Thị Hai	07/06/1984	Nữ	GV	TS	Sinh học thực nghiệm
29	Trương Thị Tinh Tươi	09/03/1988	Nữ	NCV	ThS	Sinh học thực nghiệm
30	Nguyễn Dương Tâm Anh	06/09/1979	Nữ	PGS	TS	Hoá sinh học
31	Ngô Đại Nghiệp	10/10/1975	Nam	PGS	TS	Hoá sinh học
32	Quách Ngô Diễm Phương	01/10/1980	Nữ	PGS	TS	Hoá sinh học
33	Nguyễn Thị Hồng Thương	16/05/1979	Nữ	GVC	TS	Hoá sinh học
34	Trịnh Thị Diệu Bình	09/04/1983	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
35	Trần Quốc Tuấn	02/04/1981	Nam	GV	TS	Hoá sinh học
36	Vũ Thị Bạch Phượng	06/02/1988	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
37	Khuất Lê Uyên Vy	01/01/1986	Nữ	GV	TS	Hoá sinh học
38	Hoàng Đức Huy	21/12/1972	Nam	PGS	TS	Sinh thái học
39	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	Nữ	PGS	TS	Sinh thái học
40	Trần Thị Anh Đào	13/03/1974	Nữ	GVC	TS	Sinh thái học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
41	Nguyễn Thị Kim Dung	11/12/1975	Nữ	GV	TS	Sinh thái học
42	Nguyễn Thị Lan Thi	10/10/1972	Nữ	GVC	TS	Sinh thái học
43	Đặng Lê Anh Tuấn	03/02/1981	Nam	GVC	TS	Sinh thái học
44	Phạm Văn Phúc	23/08/1982	Nam	PGS	TS	Di truyền học
45	Nguyễn Thị Huệ	11/04/1972	Nữ	PGS	TS	Di truyền học
46	Nguyễn Hoàng Chương	18/07/1977	Nam	GV	TS	Di truyền học
47	Nguyễn Thụy Vy	01/08/1983	Nữ	GV	TS	Di truyền học
48	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/06/1987	Nữ	GV	TS	Di truyền học
49	Từ Thị Trâm Anh	18/08/1988	Nữ	GV	TS	Di truyền học
50	Trần Trọng Ngân	30/04/1990	Nữ	NCV	TS	Di truyền học
51	Hồng Vũ Thúy Uyên	18/02/1989	Nữ	GV	TS	Di truyền học
52	Đặng Thị Phương Thảo	08/07/1976	Nữ	GS	TS	Công nghệ sinh học
53	Trần Linh Thuộc	06/10/1960	Nam	GS	TS	Công nghệ sinh học
54	Phạm Quỳnh Hương	11/11/1981	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
55	Phạm Mạnh Hùng	15/05/1990	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
56	Trần Trung Hiếu	11/11/1969	Nam	GVC	TS	Công nghệ sinh học
57	Lương Thị Mỹ Ngân	19/01/1971	Nữ	GVC	TS	Công nghệ sinh học
58	Bùi Lan Anh	10/02/1982	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
59	Ngô Trang Như Ngọc	06/12/1983	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
60	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	26/04/1986	Nữ	GV	TS	Công nghệ sinh học
61	Nguyễn Hữu Hoàng	11/10/1985	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
62	Nguyễn Hiếu Nghĩa	02/10/1991	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
63	Lê Anh Tuấn	26/02/1992	Nam	GV	TS	Công nghệ sinh học
64	Nguyễn Hữu Nhã	09/10/1980	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
65	Lê Công Hào	09/06/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
66	Vũ Quang Tuyên	05/07/1968	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
67	Võ Quốc Phong	17/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
68	Trần Nguyên Lân	18/05/1985	Nam	GV	TS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
69	Châu Văn Tạo	01/06/1961	Nam	GS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
70	Trần Thiện Thanh	28/05/1981	Nam	PGS	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
71	Võ Hồng Hải	24/08/1975	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
72	Cao Thị Mỹ Dung	25/01/1980	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
73	Lê Hoàng Chiến	17/03/1987	Nam	NCV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
74	Phan Lê Hoàng Sang	02/08/1985	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
75	Võ Hoàng Nguyên	11/09/1987	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
76	Trần Xuân Bảo	23/09/1992	Nam	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
77	Hoàng Thị Kiều Trang	01/12/1976	Nữ	GV	TS	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
78	Lê Vũ Tuấn Hùng	10/11/1971	Nam	PGS	TS	Quang học
79	Vũ Thị Hạnh Thu	08/05/1979	Nữ	PGS	TS	Quang học
80	Phan Trung Vĩnh	03/11/1986	Nam	GV	TS	Quang học
81	Võ Thị Ngọc Thủy	21/08/1983	Nữ	GV	TS	Quang học
82	Phan Thị Kiều Loan	17/06/1989	Nữ	GV	TS	Quang học
83	Tôn Nữ Quỳnh Trang	02/01/1994	Nữ	GV	TS	Quang học
84	Lê Văn Anh Cường	27/08/1984	Nam	PGS	TS	Vật lý địa cầu
85	Nguyễn Nhật Kim Ngân	10/01/1985	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
86	Đặng Hoài Trung	07/08/1984	Nam	GV	TS	Vật lý địa cầu
87	Lê Nguyễn Hoa Tiên	14/12/1988	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
88	Trịnh Thị Lý	19/01/1992	Nữ	GV	TS	Vật lý địa cầu
89	Nguyễn Trung Nhân	21/06/1974	Nam	GS	TS	Hoá học
90	Hoàng Ngọc Cường	15/03/1968	Nam	PGS	TS	Hoá học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
91	Trần Lê Quan	01/07/1970	Nam	PGS	TS	Hoá học
92	Nguyễn Thái Hoàng	23/10/1974	Nam	PGS	TS	Hoá học
93	Trần Văn Mẫn	13/06/1976	Nam	PGS	TS	Hoá học
94	Phạm Trần Nguyên Nguyên	11/05/1972	Nữ	PGS	TS	Hoá học
95	Nguyễn Văn Đông	20/12/1971	Nam	PGS	TS	Hoá học
96	Nguyễn Công Tránh	09/03/1976	Nam	PGS	TS	Hoá học
97	Trần Hoàng Phương	15/09/1984	Nam	PGS	TS	Hoá học
98	Lê Tiến Khoa	08/12/1986	Nam	PGS	TS	Hoá học
99	Đặng Hoàng Phú	23/10/1989	Nam	PGS	TS	Hoá học
100	Huỳnh Lê Thanh Nguyên	27/11/1987	Nam	PGS	TS	Hoá học
101	Lê Hữu Thọ	21/11/1991	Nam	GV	TS	Hoá học
102	Đoàn Ngọc Nhuận	15/04/1977	Nam	GV	TS	Hoá học
103	Huỳnh Ngọc Vinh	09/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá học
104	Đái Huệ Ngân	01/10/1981	Nữ	GV	TS	Hoá học
105	Nguyễn Huy Du	04/09/1982	Nam	GV	TS	Hoá học
106	Nguyễn Ngọc Ân	21/03/1983	Nam	GV	TS	Hoá học
107	Ngô Thị Thùy Dương	23/05/1983	Nữ	GV	TS	Hoá học
108	Nguyễn Thị Thảo Trân	25/04/1978	Nữ	GV	TS	Hoá học
109	Nguyễn Bình Phương Nhân	24/10/1984	Nam	GV	TS	Hoá học
110	Võ Quốc Khương	04/05/1987	Nam	GV	TS	Hoá học
111	Trương Lâm Sơn Hải	15/09/1987	Nam	GV	TS	Hoá học
112	Nguyễn Thị Ý Nhi	14/05/1975	Nữ	GV	TS	Hoá học
113	Nguyễn Tấn Tài	21/06/1985	Nam	GV	TS	Hoá học
114	Nguyễn Thị Lệ Thu	01/01/1979	Nữ	NCV	TS	Hoá học
115	Nguyễn Văn Hoàng	12/12/1991	Nam	NCV	TS	Hoá học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
116	Huỳnh Tấn Vũ	28/08/1989	Nam	GV	TS	Hoá học
117	Tôn Thất Quang	13/07/1974	Nam	PGS	TS	Hoá hữu cơ
118	Lưu Thị Xuân Thi	30/09/1973	Nữ	PGS	TS	Hoá hữu cơ
119	Nguyễn Trí Hiếu	21/12/1980	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
120	Trần Thu Phương	14/10/1983	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
121	Nguyễn Thị Thảo Ly	10/12/1987	Nữ	NCV	TS	Hoá hữu cơ
122	Nguyễn Trường Hải	19/02/1993	Nam	TrG	TS	Hoá hữu cơ
123	Lê Phạm Ngọc Sơn	10/11/1988	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
124	Mai Văn Thanh Tâm	01/03/1988	Nam	GV	TS	Hoá hữu cơ
125	Trần Ngọc Mai	20/04/1987	Nữ	GV	TS	Hoá hữu cơ
126	Trần Thị Thanh Vân	15/06/1980	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
127	Lê Viết Hải	12/05/1978	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
128	Hà Thúc Chí Nhân	13/06/1981	Nam	PGS	TS	Khoa học vật liệu
129	Hoàng Thị Đông Quỳ	28/12/1978	Nữ	PGS	TS	Khoa học vật liệu
130	Đỗ Thị Vi Vi	04/07/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
131	Tạ Thị Kiều Hạnh	16/04/1981	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
132	Nguyễn Phước Trung Hòa	15/03/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
133	Vũ Hoàng Nam	04/04/1982	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
134	Lê Ngọc Hà Thu	22/05/1988	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
135	Lê Khắc Tốp	14/06/1984	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
136	Nguyễn Thái Ngọc Uyên	16/10/1979	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
137	Trần Thị Minh Thư	11/03/1984	Nữ	GV	TS	Khoa học vật liệu
138	Trần Công Khánh	20/06/1987	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
139	Lê Thái Duy	24/02/1990	Nam	GV	TS	Khoa học vật liệu
140	Trần Quang Trung	06/01/1967	Nam	PGS	TS	Công nghệ bán dẫn

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
141	Hồ Thanh Huy	21/12/1981	Nam	GV	TS	Công nghệ bán dẫn
142	Nguyễn Hữu Kế	11/10/1988	Nam	NCV	TS	Công nghệ bán dẫn
143	Nguyễn Chí Linh	17/02/1982	Nam	GV	TS	Công nghệ bán dẫn
144	Phạm Thị Như Nguyệt	15/08/1993	Nữ	GV	TS	Công nghệ bán dẫn
145	Nguyễn Quang Khởi	13/04/1988	Nam	GV	TS	Công nghệ bán dẫn
146	Phạm Trung Hiếu	19/04/1978	Nam	PGS	TS	Địa chất học
147	Nguyễn Thị Tố Ngân	14/09/1976	Nữ	GV	TS	Địa chất học
148	Lê Thị Thúy Vân	04/01/1979	Nữ	GV	TS	Địa chất học
149	Ngô Trần Thiện Quý	18/12/1976	Nam	GV	TS	Địa chất học
150	Phạm Thanh Thùy	05/09/1989	Nữ	NCV	TS	Địa chất học
151	Đặng Trường An	28/02/1978	Nam	PGS	TS	Khí tượng và khí hậu học
152	Lê Thụy Thanh Giang	13/02/1981	Nữ	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
153	La Phan Phương Hạ	25/03/1985	Nữ	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
154	Trần Thị Như Hoa	26/08/1989	Nữ	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
155	Võ Phong Phú	18/10/1994	Nam	GV	TS	Khí tượng và khí hậu học
156	Võ Lương Hồng Phước	12/04/1973	Nữ	PGS	TS	Hải dương học
157	Nguyễn Công Thành	04/10/1974	Nam	GV	TS	Hải dương học
158	Văn Thị Thu Trang	06/06/1986	Nữ	GV	TS	Hải dương học
159	Bùi Thị Ngọc Oanh	09/03/1986	Nữ	GV	TS	Hải dương học
160	Nguyễn Xuân Minh Ái	05/09/1982	Nữ	GV	TS	Hải dương học
161	Tô Thị Hiền	30/12/1972	Nữ	PGS	TS	Khoa học môi trường
162	Vũ Văn Nghị	26/02/1974	Nam	PGS	TS	Khoa học môi trường
163	Lê Tỵ Thành	16/12/1976	Nam	GVC	TS	Khoa học môi trường
164	Trần Bích Châu	05/08/1977	Nữ	GVC	TS	Khoa học môi trường
165	Nguyễn Bích Ngọc	15/04/1981	Nữ	GVC	TS	Khoa học môi trường

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
166	Nguyễn Lý Sỹ Phú	18/12/1988	Nam	GV	TS	Khoa học môi trường
167	Phan Như Nguyệt	13/06/1989	Nữ	GV	TS	Khoa học môi trường
168	Phạm Tấn Thông	25/10/1991	Nam	NCV	TS	Khoa học môi trường
169	Nguyễn Tuyết Phương	20/08/1981	Nữ	PGS	TS	Khoa học tích hợp
170	Nguyễn Hà Hùng Chương	09/11/1984	Nam	GV	TS	Khoa học tích hợp
171	Bùi Thị Như Ngọc	10/02/1989	Nữ	GV	TS	Khoa học tích hợp
172	Phan Thị Hồng Trúc	09/05/1995	Nữ	GV	TS	Khoa học tích hợp
173	Trịnh Quang Vinh	20/09/1987	Nam	GV	TS	Khoa học tích hợp
174	Phạm Tấn Hùng	10/04/1990	Nam	NCV	TS	Khoa học tích hợp
175	Phạm Thị Thảo Nhi	17/12/1992	Nữ	NCV	TS	Khoa học tích hợp
2	Khối ngành V					
176	Lý Kim Hà	25/07/1988	Nam	PGS	TS	Toán giải tích
177	Ông Thanh Hải	31/03/1984	Nam	GV	TS	Toán giải tích
178	Lê Đức Hưng	29/10/1987	Nam	GV	TS	Toán giải tích
179	Trần Thị Khiếu	02/09/1991	Nữ	GV	TS	Toán giải tích
180	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1993	Nam	GV	TS	Toán giải tích
181	Mai Hoàng Biên	15/02/1982	Nam	GS	TS	Đại số và lý thuyết số
182	Trịnh Thanh Đào	15/07/1975	Nam	GVC	TS	Đại số và lý thuyết số
183	Bùi Anh Tuấn	01/12/1984	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
184	Nguyễn Hữu Trí Nhật	04/03/1985	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
185	Nguyễn Khánh Tùng	25/11/1988	Nam	GV	TS	Đại số và lý thuyết số
186	Đặng Đức Trọng	15/12/1964	Nam	GS	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
187	Lê Thị Xuân Mai	30/10/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
188	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	25/04/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
189	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	21/01/1980	Nữ	GV	TS	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
190	Nguyễn Tiến Đạt	16/10/1994	Nam	GV	TS	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
191	Võ Sĩ Trọng Long	13/08/1980	Nam	PGS	TS	Khoa học dữ liệu
192	Nguyễn Thanh Bình	23/12/1986	Nam	PGS	TS	Khoa học dữ liệu
193	Trần Anh Tuấn	26/10/1983	Nam	GV	TS	Khoa học dữ liệu
194	Võ Đức Cẩm Hải	05/04/1979	Nam	GV	TS	Khoa học dữ liệu
195	Châu Thành Đức	20/10/1985	Nam	GV	TS	Khoa học dữ liệu
196	Hoàng Văn Hà	10/09/1983	Nam	GV	TS	Khoa học dữ liệu
197	Nguyễn Kim Ngọc	14/07/1986	Nữ	GV	TS	Khoa học dữ liệu
198	Tô Đức Khánh	03/04/1990	Nam	GV	TS	Khoa học dữ liệu
199	Nguyễn Thị Yến Ngọc	02/02/1991	Nữ	GV	TS	Khoa học dữ liệu
200	Phan Thị Mỹ Duyên	25/06/1992	Nữ	GV	TS	Khoa học dữ liệu
201	Nguyễn Lê Hoàng Anh	12/07/1985	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
202	Bùi Lê Trọng Thanh	20/12/1987	Nam	PGS	TS	Toán ứng dụng
203	Nguyễn Văn Thìn	08/07/1964	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
204	Trần Nam Dũng	03/08/1966	Nam	GVC	TS	Toán ứng dụng
205	Huỳnh Quang Vũ	10/09/1975	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
206	Lê Văn Luyện	02/06/1983	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
207	Nguyễn Anh Thi	16/05/1986	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
208	Vũ Đỗ Huy Cường	28/11/1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
209	Bùi Xuân Thắng	30/01/1985	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
210	Tạ Thị Nguyệt Nga	24/10/1988	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
211	Lê Ánh Hạ	04/04/1984	Nam	GV	TS	Toán ứng dụng
212	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/10/1994	Nữ	GV	TS	Toán ứng dụng
213	Trần Minh Triết	19/08/1979	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
214	Lý Quốc Ngọc	01/09/1964	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
215	Nguyễn Văn Vũ	04/05/1977	Nam	PGS	TS	Khoa học máy tính
216	Đinh Bá Tiến	08/12/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
217	Lâm Quang Vũ	03/02/1979	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
218	Bùi Tiến Lên	05/02/1974	Nam	GVC	TS	Khoa học máy tính
219	Trần Trung Dũng	26/11/1978	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
220	Trần Duy Hoàng	14/06/1985	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
221	Ngô Huy Biên	21/10/1980	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
222	Ngô Minh Nhựt	27/08/1988	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
223	Trương Toàn Thịnh	29/09/1986	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
224	Nguyễn Thị Minh Tuyền	01/08/1982	Nữ	GV	TS	Khoa học máy tính
225	Bùi Văn Thạch	20/05/1990	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
226	Võ Hoài Việt	16/01/1987	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
227	Trần Thái Sơn	12/12/1975	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
228	Lê Ngọc Thành	28/08/1984	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
229	Lê Thanh Tùng	29/08/1994	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
230	Lê Khánh Duy	30/04/1989	Nam	GV	TS	Khoa học máy tính
231	Nguyễn Đình Thúc	20/03/1967	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
232	Đinh Điền	18/01/1966	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
233	Lê Nguyễn Hoài Nam	03/06/1988	Nam	PGS	TS	Hệ thống thông tin
234	Phạm Nguyễn Cương	07/04/1972	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
235	Phạm Thị Bạch Huệ	06/07/1976	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
236	Nguyễn Trần Minh Thư	13/09/1979	Nữ	GV	TS	Hệ thống thông tin
237	Nguyễn Trường Sơn	26/10/1984	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
238	Nguyễn Hồng Bửu Long	18/06/1988	Nam	GV	TS	Hệ thống thông tin
239	Lê Hoài Bắc	21/03/1963	Nam	GS	TS	Trí tuệ nhân tạo

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
240	Lê Hoàng Thái	11/08/1972	Nam	PGS	TS	Trí tuệ nhân tạo
241	Cần Trần Thành Trung	06/05/1995	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
242	Lê Thị Nhân	09/03/1978	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
243	Nguyễn Thanh Phương	19/09/1972	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
244	Nguyễn Ngọc Thảo	26/10/1984	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
245	Nguyễn Hải Minh	14/07/1985	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
246	Vũ Thị Mỹ Hằng	03/09/1986	Nữ	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
247	Nguyễn Tiến Huy	14/12/1988	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
248	Lê Trung Nghĩa	04/04/1990	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
249	Bùi Duy Đăng	05/03/1995	Nam	GV	TS	Trí tuệ nhân tạo
250	Cổ Thanh Thiện	11/01/1975	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật điện tử
251	Đặng Lê Khoa	01/03/1983	Nam	GVC	TS	Kỹ thuật điện tử
252	Nguyễn Minh Trí	22/06/1987	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
253	Nguyễn Xuân Vinh	11/02/1977	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
254	Đoàn Thị Hiền	23/07/1986	Nữ	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
255	Vũ Năng An	25/09/1985	Nam	GV	TS	Kỹ thuật điện tử
256	Huỳnh Trúc Phương	07/01/1971	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
257	Huỳnh Văn Tuấn	08/05/1979	Nam	PGS	TS	Vật lý kỹ thuật
258	Tổng Hoàng Tuấn	16/11/1985	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
259	Trịnh Hoa Lăng	28/11/1979	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
260	Lê Văn Ngọc	25/12/1969	Nam	GVC	TS	Vật lý kỹ thuật
261	Lê Trần	21/05/1970	Nam	GVC	TS	Vật lý kỹ thuật
262	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	21/07/1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
263	Đỗ Đức Cường	05/08/1980	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật
264	Nguyễn Chí Nhân	11/04/1977	Nam	GV	TS	Vật lý kỹ thuật

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ tạo tạo	Ngành giảng dạy
265	Phạm Thanh Tuấn Anh	18/05/1992	Nam	NCV	TS	Vật lý kỹ thuật
266	Trần Duy Tập	09/03/1981	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật địa chất
267	Ngô Minh Thiện	15/09/1981	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
268	Nguyễn Đình Thanh	15/11/1986	Nam	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
269	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	14/08/1990	Nữ	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
270	Hồ Thu Hiền	17/09/1982	Nữ	GV	TS	Kỹ thuật địa chất
3	Khối ngành VII					
271	Lê Ngọc Tuấn	17/10/1982	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
272	Bùi Việt Hưng	01/06/1972	Nam	PGS	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
273	Nguyễn Ái Lê	22/08/1983	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
274	Trần Thị Mai Phương	10/05/1971	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
275	Trần Thị Thu Dung	28/11/1978	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
276	Hoàng Thị Phương Chi	08/09/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
277	Võ Thị Minh Hoàng	07/07/1979	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
278	Đỗ Thị Thùy Quyên	01/11/1988	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
279	Trương Thị Cẩm Trang	06/03/1978	Nữ	GVC	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
280	Nguyễn Thị Thụy Hằng	25/02/1985	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
281	Lê Hoàng Anh	20/02/1982	Nam	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường
282	Lê Thị Tuyết Mai	23/11/1986	Nữ	GV	TS	Quản lý tài nguyên và môi trường

